TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Bà Lê Thị Thiện.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Công – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 164/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST- DS ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trương Minh Th, sinh năm 1958; địa chỉ thường trú: đường số 36, khu phố 08, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Thế B, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: nhà ở đô thị Becamex, khu phố 4, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Ông Th và ông B có mối quan hệ quen biết qua lại do trước đây có làm cùng công ty. Ông B mượn tiền của ông Th nhiều lần và trong quá trình đó có trả cho ông Th một ít. Tính đến ngày 01/11/2019 ông B còn nợ ông Th số tiền 210.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), nên ông Th viết giấy cam kết cho ông B ký tên, lãi suất thỏa thuận hàng tháng ông B trả cho ông Th là 4.000.000 đồng, ông B ký tên, ghi họ tên và ghi số tiền 210.000.000đ để xác nhận trong giấy cam kết mượn tiền ngày 01/11/2019. Sau khi viết giấy cam kết, ông B trả cho ông Th

được 4.000.000đ và đến nay không trả cho ông Th bất cứ khoản tiền nào. Ông Th có nhiều lần liên lạc để yêu cầu ông B trả tiền nhưng ông B không chịu trả và tìm cách tránh ông Th.

Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu ông B trả lại số tiền nợ gốc là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2020 cho đến ngày xét xử với lãi suất là 4.000.000 đồng/tháng như giấy cam kết.

Quá trình làm việc, ông Th xác định việc ông cho ông B mượn tiền, vợ ông B không biết, ông chỉ yêu cầu ông B có trách nhiệm trả cho ông số tiền gốc là 210.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Chứng minh nhân dân ông Phạm Thế B (bản photo); sổ hộ khẩu (bản photo); các phiếu EMS ngày 17/01/2022, ngày 14/02/2022 và ngày 18/3/2022 (bản photo); căn cước công dân ông Trương Minh Th (bản photo chứng thực); giấy cam kết mượn tiền ngày 01/11/2019 (bản photo); thông báo số định danh cá nhân ông Trương Minh Th (bản photo chứng thực); đơn đề nghị về việc xin miễn tạm ứng án phí.

*** Đối với bị đơn ông Phạm Thế B:**

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

*** Tại phiên tòa:**

- Các đương sự vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các qui định tại điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để yêu cầu trả tiền đã vay, bị đơn có nơi cư trú tại phường An Phú, thành phố Thuận An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc: Theo giấy cam kết mượn tiền ngày 01/11/2019 giữa ông Th và ông B thể hiện ông B có vay 210.000.000 đồng của ông Th, lãi suất hàng tháng là 4.000.000 đồng. Theo ông Th trình bày, từ khi viết giấy cam kết ông B chỉ trả được cho ông 4.000.000đ và từ đó không trả cho ông thêm khoản tiền nào.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, tòa án đã thông báo các chứng cứ, các yêu cầu của ông Th cho ông B và niêm yết các văn bản theo quy định. Tuy nhiên, ông B không có ý kiến phản hồi. Như vậy, việc ông B không trả tiền vay theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Th. Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu ông B phải trả số tiền gốc là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Theo đơn khởi kiện ông Th yêu cầu ông B phải trả lãi suất 4.000.000đ/tháng như giấy cam kết mượn tiền đã ghi. Căn cứ theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về mức lãi suất thì đối với việc vay có thỏa thuận lãi suất, mức lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, như vậy lãi suất theo giấy cam kết với số tiền hàng tháng 4.000.000 đồng/số tiền 210.000.000đ (là 22,85%/năm) được xem là vượt quá quy định của pháp luật. Mặt khác, giấy cam kết ngày 01/11/2019 không ghi thời hạn ông B phải trả số tiền gốc. Tuy nhiên qua quá trình làm việc ông Th yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận, như vậy số tiền lãi suất ông B phải trả cho ông Th cụ thể: từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 năm 07 tháng 08 ngày x 20%/năm x 210.000.000đ = 151.433.328đ (một trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng).

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Ông Phạm Thế B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; các điều 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Minh Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Phạm Thế B.

- Buộc ông Phạm Thế B có trách nhiệm trả cho ông Trương Minh Th số tiền nợ gốc 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng) và số tiền lãi suất tính đến ngàyxét xử sơ thẩm (08/8/2023) là 151.433.328đ (một trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng). Tổng số tiền ông B phải trả cho ông Th là 361.433.328đ (ba trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thế B phải chịu 18.071.666đ (mười tám triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Trần Thị Hoa Hạnh